TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 8 - 2018
V/v ly hôn giữa anh B và chị T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Sơn
2. Bà Đặng Thị Thu Hương.

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXX- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên* đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm Đ, xã S, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm 13, xã H, huyện T, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 9 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc vào tháng 03 năm 2008, trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do chị T không tôn trọng, thường xuyên cãi và đánh lại mẹ anh. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2008 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin được ly hôn chị T.

Về nuôi con chung: Anh và chị T không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh và chị T không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Đề nghị xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị T.
- Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải nộp án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị T.

[2]Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị T kết hôn, có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị T không tôn trọng gia đình anh B. Anh B đã nhiều lần cố gắng để vợ chồng hàn gắn, hòa hợp nhưng không có kết quả. Chị T đã bỏ đi và vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2008 cho đến nay. Điều đó thể hiện tình cảm vợ chồng giữa anh B và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của anh B có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]Về nuôi con chung và tài sản, công nợ chung: Anh B và chị T không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải nộp án phí ly hôn theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị T.

3.Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh B đã nộp theo Biên lai số 0002004 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực.

4. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã S, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh